

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2019

V/v: *tranh chấp ly hôn, nuôi con .*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Sử

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân.

Ngày 17/6/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2019/TLST- HNGĐ ngày 19/3/2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đinh Thị T, sinh năm 1985

Trú tại: SN 13, ngõ 196, đường Trần Thị Ph, TP. P, tỉnh Hà Nam

- Bị đơn: anh Phạm Đức V, sinh năm 1981

Trú tại: Tiểu đoàn 1, E582, F350 thuộc địa bàn xã Thạch Bình, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2018 và bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Đức V kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân G, huyện G, tỉnh Ninh Bình vào ngày 29/11/2008

trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống cùng gia đình anh Vương tại phường T, TP. P, tỉnh Hà Nam. Hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau do không tìm được tiếng nói chung. Do anh V không quan tâm đến vợ con. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh V trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là các cháu: Phạm Đình Tài L sinh 02/5/2009, Phạm Đình My N sinh 18/6/2014. Hiện các cháu đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin tiếp tục nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con là 3000.000 đồng/ 2 cháu/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của anh Phạm Đức V được thể hiện tại bản tự khai và đơn xin xử vắng mặt như sau: Anh thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như chị T trình bày là đúng. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do chị T có biểu hiện yêu thương người khác từ tháng 9/2018, do vậy dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung: anh cũng xác định vợ chồng anh có 02 con chung là các cháu: Phạm Đình Tài L sinh 02/5/2009, Phạm Đình My N sinh 18/6/2014, hiện cả hai cháu đang ở với chị T. Anh cũng nhất trí cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu. Tuy nhiên anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi hai cháu là 2000.000 đồng/2 cháu/1 tháng. Vì hiện nay anh còn có trách nhiệm phụng dưỡng mẹ già 78 tuổi.

Ngày 19/3/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo đơn khởi kiện của chị Đình Thị T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Do các bên không thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con chung nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: đề nghị HĐXX: Căn cứ điều điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Đình Thị T. Xử cho chị Đình Thị T ly hôn với anh Phạm Đức V.

2. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Đình Tài L, sinh ngày 02/05/2009 và cháu Phạm Đình My N, sinh ngày 18/02/2014 hiện đang ở với chị T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung mức 3.000.000 đồng / tháng /2 cháu kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Phạm Đình Tài L và cháu Phạm Đình My N đủ 18 tuổi.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Đình Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Anh Phạm Đức V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã T, huyện N nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, do không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Trong cuộc sống thường xảy ra cãi vã, thực tế hai bên đã ly thân chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh V là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Các bên đương sự đều thống nhất sau ly hôn chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 2 cháu Phạm Đình Tài L, sinh ngày 02/05/2009 và cháu Phạm Đình My N, sinh ngày 18/02/2014 hiện đang ở với chị T. Xét anh V là bộ đội công tác xa nhà, nguyện vọng của cháu L xin được tiếp tục ở với mẹ, điều kiện chị T là giáo viên có đủ điều kiện để chăm sóc hai cháu vì vậy giao hai cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/2 cháu/1 tháng. Anh V chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi 2 con chung là 2.000.000 đồng/2 cháu/1 tháng. Theo biên bản xác minh với đơn vị anh V công tác thì anh V có thu nhập ổn định từ lương thực nhận hàng tháng mức 10.550.000 đồng/ tháng, hiện nay hai cháu đang độ tuổi ăn học, tuy nhiên anh V còn phải có trách nhiệm phụng dưỡng mẹ già. Vì vậy cần buộc anh V cấp dưỡng nuôi con chung là 25.00.000 đồng/ 2 cháu/1 tháng là phù hợp.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị T và anh V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.
- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: anh V phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T. Xử cho chị Đinh Thị T ly hôn với anh Phạm Đức V.

2. Về con chung:

2.1. Giao các cháu Phạm Đình Tài L, sinh ngày 02/05/2009 và cháu Phạm Đình My N, sinh ngày 18/02/2014 hiện đang ở với chị T cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.500.000 đồng/2 cháu/1 tháng kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Phạm Đình Tài L, sinh và cháu Phạm Đình My N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu anh V không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng anh V còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị T phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000074 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Đức V phải nộp là 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: chị T và anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã G, huyện G
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thanh Tùng